

Bản án số: 54/2021/DS-PT

Ngày 10-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cửa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLPT-DS ngày 04/02/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh K, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: số 24x/GC, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Người làm chứng do bị đơn triệu tập: Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1987

- Địa chỉ: 415/GC, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào ngày 03/06/2019, chị Nguyễn Thị N có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng ngày 03/6/2019 đến ngày 03/8/2019, lãi suất 20%/01 năm, trả lãi vào ngày đầu tháng, trả gốc một lần vào ngày cuối cùng của hợp đồng vay là ngày 03/8/2019. Hai bên đã lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào ngày 03/6/2019 được Văn phòng công chứng Ba Tri chứng thực vào ngày 03/06/2019, chị N có thể chấp và đưa cho nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 312, tờ bản đồ số 3, diện tích 86,2 m² tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre để làm tin, không có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Từ thời gian đó đến nay, chị N không trả tiền lãi và tiền gốc theo thỏa thuận trên dù hợp đồng vay đã hết hạn.

Nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải trả lại cho nguyên số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/06/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nhưng chỉ tính 16 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 80.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu chị N phải trả là 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu) đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N không có văn bản ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh K số tiền 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2020, chị Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị N cho rằng số tiền 300.000.000 đồng do nguyên đơn trình bày là do chị vay dùm em là chị Trần Thị Mỹ X. Chị N chỉ ký hợp đồng thế chấp, việc giao nhận tiền, thỏa thuận lãi

suất và trả lãi do anh K và chị X trao đổi với nhau. Chị N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng chị Trần Thị Mỹ X trình bày: do không có vốn làm ăn nên chị có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị N để vay số tiền 300.000.000 đồng như chị N trình bày. Do chị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị N ký tên vào hợp đồng thế chấp, thực tế chị là người nhận tiền và trả lãi cho nguyên đơn. Chị đã trả lãi 02 lần tổng cộng là 69.000.000 đồng, do kinh tế khó khăn, lãi suất cao và hiện tại chị vẫn chưa vay được tiền của Ngân hàng nên chị không có khả năng tiếp tục chi trả.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh K có cho chị N vay số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký kết; việc giữa anh K và chị X có những khoản vay nào không thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rõ. Nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu khoản vay của chị N. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị N thừa nhận có ký tên vào hợp đồng nhưng số tiền anh K giao do em chị là chị Trần Thị Mỹ X nhận chỉ có 261.000.000 đồng vì anh K đã trừ 39.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên. Chị X cũng trình bày số tiền đã nhận là 261.000.000 đồng. Người đại diện của nguyên đơn trình bày hai bên ký hợp đồng thế chấp trước, sau đó mới giao nhận tiền và cho rằng số tiền giao nhận là 300.000.000 đồng nhưng không có biên nhận giao tiền, không có chứng cứ chứng minh. Do vậy, chỉ có cơ sở để xác định số tiền anh K đã giao cho chị N là 261.000.000 đồng theo sự thừa nhận của chị N. Ngoài ra, việc tính lãi suất với mức lãi suất như bản án sơ thẩm là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của chị N, sửa một phần bản án sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị N trả cho anh Nguyễn Thanh K số tiền nợ gốc là 261.000.000 đồng và tính lãi số tiền này theo quy định pháp luật trong thời gian 16 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 03/6/2019 thể hiện chị Nguyễn Thị N thế chấp cho anh Nguyễn Thanh K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 603437 của chị N nhằm đảm bảo trả nợ vay và tiền lãi cho số tiền vay là 300.000.000 đồng. Các bên tự thỏa thuận lãi suất nhưng không vượt quá 20%/năm, thời hạn vay 60 ngày kể từ ngày 03/6/2019, trả nợ gốc vào ngày cuối cùng của hợp đồng. Do hết thời hạn vay nhưng chị N không thực hiện nghĩa vụ nên ông K yêu cầu chị N trả số tiền 380.000.000 đồng (bao gồm nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng chỉ tính lãi 16 tháng là: 80.000.000 đồng). Chị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K vì số tiền trên vay dùm cho chị X.

Theo bản Tường trình và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị N thừa nhận có vay của ông K số tiền 300.000.000 đồng và tự nguyện ký hợp đồng ngày 03/6/2019. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nợ gốc 300.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa, chị N cho rằng ký tên để “vay dùm” cho chị Trần Thị Mỹ X và chị X cũng thừa nhận người đứng ra thỏa thuận và nhận tiền của anh K là chị X. Tuy nhiên, đây là quan hệ tranh chấp khác không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc bị đơn cho rằng người vay tiền thực tế là chị X và chị X chỉ nhận số tiền 261.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

[2] Theo hợp đồng, “Lãi suất: tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20% của khoản tiền vay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức lãi suất các bên thỏa thuận nên thuộc trường hợp có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Như vậy lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ Luật Dân sự năm 2015 bằng 50% mức lãi suất giới hạn tương đương 10%/năm. Cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất 20%/năm để buộc bị đơn trả lãi là không phù hợp. Do đó, lãi suất từ ngày 03/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/11/2020 là 17 tháng 15 ngày. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi

16 tháng, nhận thấy đây là yêu cầu có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Như vậy, lãi suất được tính lại như sau: 300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng = 39.840.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị N.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có một phần phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí sơ thẩm điều chỉnh lại cho hợp lí.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện B. Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh K số tiền 339.840.000 (Ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/11/2020 là 39.840.000 (Ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thanh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị N chưa thi hành xong số tiền trên thì chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 16.992.000 (Mười sáu triệu chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Thanh K phải chịu 2.008.000 (Hai triệu không trăm lẻ tám nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.224.000 (Chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000295 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh K số tiền 7.216.000 (Bảy triệu hai trăm mười sáu nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004371 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa